

## KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analytical Results



Mã số mẫu / Sample ID: 2411169

Tên mẫu / Sample name: SỮA CHUA TRÁI CÂY SẤY THĂNG HOA  
(FREEZE - DRIED YOGURT MIX FRUIT)

Khách hàng / Client : CÔNG TY TNHH NÔNG SẢN SẠCH ĐẮKFARM

Địa chỉ / Address : Số 27/22 Tuệ Tĩnh, Phường Ea Tam, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk,  
Việt Nam

Mô tả mẫu / Sample description: Mẫu thực phẩm đựng trong bao bì kín

Nền mẫu / Matrix : SỮA CHUA TRÁI CÂY SẤY THĂNG HOA  
(FREEZE - DRIED YOGURT MIX FRUIT)

Số lượng mẫu / Number of sample: 01

Ngày nhận mẫu / Date of sample received : 05/11/2024

Ngày hẹn trả kết quả / Date of results delivery: 11/11/2024



| Mã số mẫu/<br>Sample ID | Chỉ tiêu phân tích/<br>Parameters | Kết quả/<br>Result | LOD   | Đơn vị/<br>Unit | Phương pháp/<br>Test method  |
|-------------------------|-----------------------------------|--------------------|-------|-----------------|------------------------------|
| 2411169                 | Chì (Pb) (*)                      | KPH                | 0.05  | mg/kg           | Ref. AOAC 2015.01            |
|                         | Aflatoxin M <sub>1</sub>          | KPH                | 0.025 | µg/kg           | Ref. EN 15662-2018           |
|                         | Benzylpenicilin                   | KPH                | 1.0   | µg/kg           | Phương pháp nội bộ, LC-MS/MS |
|                         | Procaïn Benzylpenicilin           | KPH                | 1.0   | µg/kg           | Phương pháp nội bộ, LC-MS/MS |
|                         | Oxytetracyclin                    | KPH                | 10    | µg/kg           | Phương pháp nội bộ, LC-MS/MS |
|                         | Tetracyclin                       | KPH                | 10    | µg/kg           | Phương pháp nội bộ, LC-MS/MS |
|                         | Clortetracyclin                   | KPH                | 10    | µg/kg           | Phương pháp nội bộ, LC-MS/MS |

## KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analytical Results

Mã số mẫu / Sample ID: 2411169

| Mã số mẫu/<br>Sample ID | Chỉ tiêu phân tích/<br>Parameters | Kết quả/<br>Result | LOD  | Đơn vị/<br>Unit | Phương pháp/<br>Test method |
|-------------------------|-----------------------------------|--------------------|------|-----------------|-----------------------------|
| 2411169                 | Dihydrostreptomycin               | KPH                | 10   | µg/kg           | TCVN 8106-2009              |
|                         | Streptomycin                      | KPH                | 10   | µg/kg           | TCVN 8106-2009              |
|                         | Gentamicin                        | KPH                | 10   | µg/kg           | TCVN 8106-2009              |
|                         | Spiramycin                        | KPH                | 10   | µg/kg           | TCVN 8106-2009              |
|                         | Endosulfan                        | KPH                | 0.01 | mg/kg           | Ref. AOAC 2007.01           |
|                         | Aldrin và Dieldrin                | KPH                | 0.01 | mg/kg           | Ref. AOAC 2007.01           |
|                         | Cyfluthrin                        | KPH                | 0.01 | mg/kg           | Ref. AOAC 2007.01           |
|                         | DDT                               | KPH                | 0.01 | mg/kg           | Ref. AOAC 2007.01           |
|                         | Enterobacteriaceae (*)            | < 10               | -    | CFU/g           | ISO 21528 - 2:2017          |
|                         | Listeria monocytogenes            | < 10               | -    | CFU/g           | TCVN 7700 - 2:2007          |

**Ghi chú/Note :**

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử đã được mã hóa như trên / The results only valid for the sample encoded as above
- Không được trích sao một phần kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty / The results shall not be reproduced except in full, without the written approval of the director
- (\*) Phương pháp được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận (VILAS) / The method is accredited by Bureau of Accreditation (VILAS)
- (a) Kết quả do nhà thầu phụ thực hiện / The parameters tested by subcontractor
- (b) Phòng thử nghiệm được chỉ định bởi Bộ Y Tế / Lab approved by Ministry of Health
- LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of detection. KPH : Không phát hiện / Not detected
- Theo phương pháp thử, kết quả vi sinh được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g hoặc nhỏ hơn 1 CFU/ml khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa / According to the test method, the result of microbiology is expressed as less than 10 CFU/g or less than 1 CFU/ml when the dish contains no colony
- Theo phương pháp thử, kết quả vi sinh được biểu thị là 0 MPN/g hoặc MPN/ml nghĩa là không có phản ứng cho thấy sự phát triển của vi sinh vật đích trong môi trường nuôi cấy / According to the test method, the result of microbiology is expressed 0 MPN/g or MPN/ml as there is not reaction indicated growth of target microorganism in culture medium.
- Đối với chất lượng của nước, kết quả vi sinh được biểu thị là 0 nghĩa là không có phát hiện khuẩn lạc trong thể tích mẫu được phân tích / Water quality, the result of microbiology is expressed 0 as not detected colony in the sample volume tested.

**Phụ trách phòng thí nghiệm**  
Officer in charge of laboratory



**Thái Huỳnh Thực**

**Giám Đốc**  
Director  
CÔNG TY TNHH  
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
SÀI GÒN  
TS. Phạm Kim Phương